

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 16.06.2017

Phiên bản 1.1

## Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

### 1.1 Định dạng sản phẩm

Số Danh Mục	806715
Tên sản phẩm	Nickel(II) acetylacetonate for synthesis
REACH Số Đăng ký	Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn
Số CAS	3264-82-2

### 1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	Hóa chất để tổng hợp  Để biết thêm thông tin về cách sử dụng, hãy tham khảo cổng thông tin Các hóa chất của Merck ( <a href="http://www.merckgroup.com">www.merckgroup.com</a> ).
--	---

### 1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	Merck KGaA * D-64271 Darmstadt * Đức* ĐT: +49 61 51 72-0
Đơn vị phụ trách	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM Thời gian làm việc: Thứ 2 đến thứ 6 (8:00 đến 17:00)
Đại diện khu vực	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

### 1.4 Điện thoại khẩn cấp

ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

806715

Tên sản phẩm

Nickel(II) acetylacetonate for synthesis

---

## Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

### 2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

**Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))**

Độc tính cấp tính, Nhóm 4, Đường miệng, H302

Nhạy cảm với hô hấp, Nhóm 1, H334

Nhạy cảm với da, Nhóm 1, H317

Độc tính gây ung thư, Nhóm 1A, H350

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

### 2.2 Các yếu tố nhãn

**Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))**

*Hình đồ cảnh báo nguy cơ*



*Lời cảnh báo*

Nguy hiểm

*Cảnh báo nguy hiểm*

H350 Có thể gây ung thư.

H302 Có hại nếu nuốt phải.

H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da.

H334 Có thể gây dị ứng hoặc các triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải.

*Các lưu ý phòng ngừa*

Biện pháp phòng ngừa

P201 Tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

P280 Đeo găng tay bảo hộ.

Biện pháp ứng phó

P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

806715

Tên sản phẩm

Nickel(II) acetylacetonate for synthesis

P304 + P340 NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở.  
P342 + P311 Nếu gặp các triệu chứng về hô hấp: Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC hoặc bác sỹ và xin tư vấn.

Giới hạn cho người sử dụng chuyên nghiệp.

Ghi nhãn bị giảm ( $\leq 125$  ml)

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H350 Có thể gây ung thư.

H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da.

H334 Có thể gây dị ứng hoặc các triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải.

Các lưu ý phòng ngừa

P201 Tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

P280 Đeo găng tay bảo hộ.

P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

P342 + P311 Nếu gặp các triệu chứng về hô hấp: Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC hoặc bác sỹ và xin tư vấn.

Số CAS

3264-82-2

## 2.3 Các nguy cơ khác

Được biết là chưa xảy ra.

## Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

### 3.1 Chất

Công thức  $C_{10}H_{14}NiO_4$  (Hill)

Số EC 221-875-7

Khối lượng mol 256,91 g/mol

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 806715  
Tên sản phẩm Nickel(II) acetylacetonate for synthesis

---

## Thành phần nguy hiểm (Quy định số 1272/2008 (EC))

*Tên hóa học (Nồng độ)*

Số CAS	Số đăng ký	Phân loại
nickel(II) acetylacetonate (<= 100 % )		
3264-82-2	*)	

Độc tính cấp tính, Nhóm 4, H302

Nhạy cảm với hô hấp, Nhóm 1, H334

Nhạy cảm với da, Nhóm 1, H317

Độc tính gây ung thư, Nhóm 1A, H350

\*) Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

## 3.2 Hỗn hợp

Không áp dụng được

---

## Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

### 4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

*Lời khuyên chung*

Người sơ cứu cần tự bảo vệ mình.

Sau khi hít phải: không khí sạch. Gọi bác sĩ.

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm. Tham vấn bác sĩ.

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ nhãn khoa.

Sau khi nuốt vào: cho nạn nhân uống nước ngay lập tức (nhiều nhất hai cốc). Tham vấn bác sĩ.

### 4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Các phản ứng dị ứng

### 4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Không có thông tin.

---

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

806715

Tên sản phẩm

Nickel(II) acetylacetonate for synthesis

---

## Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

### 5.1 Các phương tiện chữa cháy

*Các phương tiện chữa cháy phù hợp*

Nước, Bọt, Carbon đioxit (CO<sub>2</sub>), Bọt khô

*Các phương tiện chữa cháy không phù hợp*

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

### 5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

dễ cháy

Nguy cơ nổ bụi.

Có thể phát sinh khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm khi có lửa.

### 5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

*Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa*

Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. Tránh tiếp xúc với da bằng cách giữ khoảng cách an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

*Thông tin khác*

Làm lắng khí, hơi, sương bằng tia bụi nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

---

## Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

### 6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Tránh tạo và hít phải bụi trong mọi trường hợp. Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Lời khuyên dành cho người ứng cứu khẩn cấp:

Thiết bị bảo hộ xem phần 8.

### 6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

---

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

806715

Tên sản phẩm

Nickel(II) acetylacetonate for synthesis

---

## 6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.

Đậy cống. Thu thập, bọc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10). Cầm cẩn thận. Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng. Tránh tạo ra bụi.

## 6.4 Xem các mục khác

Các chỉ dẫn về xử lý chất thải xem phần 13.

---

## Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

### 7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất

*Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn*

Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

Làm việc có mũ bảo hộ. Không hít chất/hỗn hợp.

*Các biện pháp vệ sinh*

Thay ngay quần áo bẩn. Dùng biện pháp bảo vệ da. Rửa tay và mặt sau khi làm việc với hóa chất.

### 7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

*Điều kiện lưu trữ*

Đóng chặt. Khô. Để tại nơi thông gió tốt. Để trong khu vực được khoá kín hoặc ở nơi chỉ có người có thẩm quyền hoặc đủ tiêu chuẩn mới được vào.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

### 7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các cách sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không thấy trước cách sử dụng cụ thể nào khác.

---

## Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

### 8.1 Các thông số kiểm soát

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

### 8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

806715

Tên sản phẩm

Nickel(II) acetylacetonate for synthesis

---

## Các biện pháp kỹ thuật

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên đối với việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.

Xem phần 7.1.

## Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụ thể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệ chống hóa chất tại nhà cung cấp tương ứng.

### *Bảo vệ mắt/mặt*

Kính bảo hộ

### *Bảo vệ tay*

tiếp xúc hoàn toàn:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,11 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

tiếp xúc một lượng nhỏ:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,11 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan chẳng hạn KCL 741 Dermatrill® L (tiếp xúc hoàn toàn), KCL 741 Dermatrill® L (tiếp xúc một lượng nhỏ).

Số lần thử nghiệm được nêu ở trên được xác định bằng KCL trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm theo EN374 với các mẫu về loại găng tay được đề xuất.

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và cho mục đích sử dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất khác và trong các điều kiện sai khác với các

### *Thiết bị bảo hộ khác*

quần áo bảo hộ

### *Bảo vệ hô hấp*

bắt buộc khi có bụi.

Loại bộ lọc đề xuất: Bình lọc P 3 (theo DIN 3181) cho các thành phần rắn và lỏng của các hóa

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

806715

Tên sản phẩm

Nickel(II) acetylacetonate for synthesis

---

chất độc và rất độc

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bị bảo vệ hô hấp được tiến hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.

## Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

---

## Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học

### 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

Hình thể	bột, tinh thể mịn
Màu sắc	màu xanh lá cây
Mùi đặc trưng	không mùi
Ngưỡng mùi	Không có thông tin.
Độ pH	Không có thông tin.
Điểm nóng chảy	230 °C (sự phân hủy)
Điểm sôi	Không có thông tin.
Điểm chớp cháy	Không có thông tin.
Tỷ lệ hóa hơi	Không có thông tin.
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin.
Giới hạn dưới của cháy nổ	Không có thông tin.
Giới hạn trên của cháy nổ	Không có thông tin.



# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	806715
Tên sản phẩm	Nickel(II) acetylacetonate for synthesis

---

Áp suất hóa hơi	2,7 hPa ở 110 °C
-----------------	---------------------

Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin.
------------------------	---------------------

Mật độ	Không có thông tin.
--------	---------------------

Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin.
--------------------	---------------------

Tính tan trong nước	4,8 g/l ở 20 °C
---------------------	--------------------

Hệ số phân tán: n-octanol/nước	log Pow: -1,90 (được tính) (Lit) Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.
--------------------------------	---

Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin.
----------------------	---------------------

Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin.
-------------------	---------------------

Độ nhớt, động lực	Không có thông tin.
-------------------	---------------------

Đặc tính cháy nổ	Không được phân loại là dễ nổ.
------------------	--------------------------------

Đặc tính ôxy hóa	không
------------------	-------

## 9.2 Các dữ liệu khác

Mật độ lớn	Khoảng 470 kg/m <sup>3</sup>
------------	------------------------------

---

## Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

### 10.1 Khả năng phản ứng

Nguy cơ nổ bụi.

### 10.2 Tính ổn định hóa học

---

Tờ Dữ Liệu An toàn cho mục danh mục sẵn có tại [www.merckgroup.com](http://www.merckgroup.com)

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

806715

Tên sản phẩm

Nickel(II) acetylacetonate for synthesis

---

Sản phẩm ổn định về mặt hóa học trong điều kiện môi trường chuẩn (nhiệt độ phòng).

## 10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Có thể phản ứng mạnh với:

Các chất oxy hóa mạnh

## 10.4 Các điều kiện cần tránh

Tiếp xúc với hơi ẩm.

## 10.5 Các vật liệu xung khắc

không có thông tin

## 10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

không có thông tin

---

## Phần 11. Thông tin độc học

### 11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

*Độc tính cấp theo đường miệng*

LD50 Chuột: 587 mg/kg

(MSDS bên ngoài)

hấp thụ

*Độc tính cấp do hít phải*

Thông tin này không có sẵn.

*Độc tính cấp qua da*

Thông tin này không có sẵn.

*Kích ứng da*

Thông tin này không có sẵn.

*Kích ứng mắt*

Thông tin này không có sẵn.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

806715

Tên sản phẩm

Nickel(II) acetylacetonate for synthesis

---

## *Nhạy cảm*

Có thể gây phản ứng dị ứng da.

Có thể gây dị ứng hoặc các triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải.

## *Biến đổi tế bào gốc*

Thông tin này không có sẵn.

## *Độc tính gây ung thư*

Thông tin này không có sẵn.

## *Độc tính đối với sinh sản*

Thông tin này không có sẵn.

## *Độc tính gây quái thai*

Thông tin này không có sẵn.

## *Ảnh hưởng CMR*

Độc tính gây ung thư:

Có thể gây ung thư. Bằng chứng rõ ràng từ các nghiên cứu dịch tễ học trên người.

## *Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)*

Thông tin này không có sẵn.

## *Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần*

Thông tin này không có sẵn.

## *Nguy cơ hô hấp*

Thông tin này không có sẵn.

## 11.2 Thông tin khác

Sau khi hấp thụ:

Chúng tôi không có mô tả về bất kỳ triệu chứng ngộ độc nào.

Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác

Chất này phải được xử lý một cách đặc biệt thận trọng.

---

## Phần 12. Thông tin sinh thái học

### 12.1 Độc tính

Không có thông tin.

### 12.2 Tính bền vững và phân hủy

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

806715

Tên sản phẩm

Nickel(II) acetylacetonate for synthesis

---

Không có thông tin.

## 12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

*Hệ số phân tán: n-octanol/nước*

log Pow: -1,90

(được tính)

(Lít) Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.

## 12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

## 12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Không có đánh giá PBT/vPvB vì đánh giá an toàn hóa chất không bắt buộc/không được tiến hành.

## 12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Cần tránh thải loại vào môi trường.

---

## Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

*Các phương pháp xử lý chất thải*

Rác thải phải được vứt bỏ theo các quy định của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bẩn giống như xử lý sản phẩm.

Xem [www.retrologistik.com](http://www.retrologistik.com) để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

---

## Phần 14. Thông tin vận chuyển

### Vận tải mặt đất (ADR/RID)

14.1 - 14.6

Không bị xếp vào loại nguy hiểm hiệu theo các quy định về vận tải.

### Vận tải đường thủy nội địa (ADN)

Không liên quan

### Vận tải đường không (IATA)

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	806715
Tên sản phẩm	Nickel(II) acetylacetonate for synthesis

---

**14.1 - 14.6** Không bị xếp vào loại nguy hiểm hiệu theo các quy định về vận tải.

## Vận tải đường biển (IMDG)

**14.1 - 14.6** Không bị xếp vào loại nguy hiểm hiệu theo các quy định về vận tải.

## 14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Không liên quan

---

## Phần 15. Thông tin pháp luật

### 15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

*Luật pháp quốc gia*

Lớp cất giữ 6.1C

### 15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đối với sản phẩm này, đánh giá an toàn hóa học theo quy định REACH của E U Số 1907/2006 không được thực hiện.

---

## Phần 16. Các thông tin khác

### Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

H302	Có hại nếu nuốt phải.
H317	Có thể gây phản ứng dị ứng da.
H334	Có thể gây dị ứng hoặc các triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải.
H350	Có thể gây ung thư.

### Tư vấn về đào tạo

Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

806715

Tên sản phẩm

Nickel(II) acetylacetonate for synthesis

---

## Dán nhãn

*Hình đồ cảnh báo nguy cơ*



*Lời cảnh báo*

Nguy hiểm

*Cảnh báo nguy hiểm*

H302 Có hại nếu nuốt phải.

H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da.

H334 Có thể gây dị ứng hoặc các triệu chứng hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải.

H350 Có thể gây ung thư.

*Các lưu ý phòng ngừa*

Biện pháp phòng ngừa

P201 Tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

P280 Đeo găng tay bảo hộ.

Biện pháp ứng phó

P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

P304 + P340 NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở.

P342 + P311 Nếu gặp các triệu chứng về hô hấp: Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC hoặc bác sỹ và xin tư vấn.

Thông tin khác

Giới hạn cho người sử dụng chuyên nghiệp.

**Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn**

Có thể tìm từ viết tắt và cụm từ viết tắt tại <http://www.wikipedia.org>.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

806715

Tên sản phẩm

Nickel(II) acetylacetonate for synthesis

---

---

*Thông tin có ở đây dựa trên vốn kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.*